

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 12 - 2025

V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990; số định danh cá nhân: 035190000383; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường K, tỉnh Ninh Bình; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1985; nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố S, phường K, tỉnh Ninh Bình; số định danh cá nhân: 035085000431; chỗ ở hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/11/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2016 thì anh L đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan (Trung Quốc), từ thời điểm đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đời sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, hai bên thường xuyên gọi điện thoại và nhắn tin xúc phạm nhau, cãi chửi nhau nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không liên lạc gì với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị Th xác định chị và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/3/2011 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 06/4/2013, hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng chị Th. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu A và C cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Chị Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc ngày 29/10/2025, UBND phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Ngọc L đăng ký kết hôn ngày 01/11/2010 tại UBND thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình). Năm 2016 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), đến năm 2018 anh L có về thăm gia đình một thời gian rồi lại đi tiếp, hiện nay anh L đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được. Tuy nhiên, theo dư luận tại địa phương thì vợ chồng anh chị rất hay xảy ra tranh cãi qua điện thoại, có lúc còn chặn số liên lạc của nhau. Về con chung chị Th và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/3/2011 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 06/4/2013, hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng chị Th. Về tài sản, công nợ của anh chị, địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Th và anh L theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2025, cháu Nguyễn Thị Quỳnh A và cháu Nguyễn Bảo C đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Th.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/11/2025, ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của anh Nguyễn Ngọc L có ý kiến: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Ngọc L đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L, chị Th ở cùng với ông bà, quá trình chung sống thời gian đầu anh chị không có mâu

thuần gì. Từ năm 2016 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), đến năm 2018 anh L có về thăm nhà 01 tháng rồi lại quay trở lại Đài Loan (Trung Quốc) lao động, một thời gian sau đó thì anh L, chị Th có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau qua điện thoại. Hiện nay anh L vẫn đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) và vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc về với gia đình nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở Đài Loan. Anh L, chị Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/3/2011 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 06/4/2013, hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng chị Th; về tài sản chung, công nợ chung anh L, chị Th không có. Nay chị Th xin ly hôn anh L, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Ninh Bình tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/HĐTP-TANDTC ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho ly hôn giữa chị Th và anh L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/3/2011 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 06/4/2013 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Th phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Do anh Nguyễn Ngọc L (bị đơn) có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố S, phường K, tỉnh Ninh Bình, đang sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của của các đương sự:

Anh Nguyễn Ngọc L đang cư trú và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L thông qua bố đẻ của anh L là ông Nguyễn Văn B, yêu cầu ông B thông báo cho anh L biết nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án và làm bản tự khai gửi về Tòa án. Thông qua ông B, anh L biết việc chị Th xin ly hôn anh L nhưng anh L không gửi cho Tòa án bản tự khai, vắng mặt tại các buổi làm việc. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh L đều vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/HĐTP-TANDTC ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định anh L thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, không khai báo, không cung cấp những tài liệu cần thiết cho Tòa án. Đối với sự vắng mặt của chị Nguyễn Thị Th: Chị Th đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Ngọc L là hợp pháp. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/11/2010 tại UBND thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Kim Bảng, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh L đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan (Trung Quốc), từ thời điểm đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đời sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, hai bên thường xuyên gọi điện thoại và nhắn tin xúc phạm nhau, cãi chửi nhau nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không liên lạc gì với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Th xác định không còn tình cảm với anh L, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh L đã bị rạn nứt trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử ly hôn cho chị Th và anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/3/2011 và Nguyễn Bảo C, sinh ngày 06/4/2013, hiện đều do chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, lời khai của hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ; anh L hiện nay đang sống ở Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể và không gửi văn bản ý kiến về Tòa án. Vì vậy, để đảm bảo quyền

lợi về mọi mặt của cháu A và cháu C, Hội đồng xét xử giao cháu A và cháu C cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự lập; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con riêng: Chị Th xác định không có nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh L đang ở Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh L, chị Th phát sinh tranh chấp về tài sản, công nợ sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 195, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/HĐTP-TANDTC ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/3/2011 và cháu Nguyễn Bảo C, sinh ngày 06/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được; anh Nguyễn Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, chị Th và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001617 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình (chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh Nguyễn Ngọc L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thạo

